Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2377 /KH-UBND	*Điện Biên, ngày 29 tháng 7 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Phát triển bưu chính giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bưu chính ban hành ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bưu chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2019/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/06/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí";

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Chương trình hành động của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển bưu chính giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN BƯU CHÍNH

Thời gian qua, bưu chính trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mạng lưới bưu chính được mở rộng và hoạt động ổn định, đảm bảo cung cấp các dịch vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu về chuyển phát

thư, báo, các loại công văn giấy tờ, bưu phẩm, bưu kiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân.

1. Hạ tầng mạng lưới bưu chính

Hiện nay, toàn tỉnh có 06 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính. Mạng lưới bưu chính gồm 167 điểm phục vụ (trong đó có: 02 bưu cục cấp I, 10 bưu cục cấp II, 37 bưu cục cấp III, 01 bưu cục KT1, 01 bưu cục khách hàng lớn, 16 thùng thư công cộng độc lập, 100 điểm bưu điện văn hóa xã). Bán kính phục vụ bình quân đạt 4,26 km/điểm; số dân phục vụ bình quân đạt 3.585 người/điểm.

Mạng vận chuyển bưu chính gồm 96 tuyến đường thư, trong đó có 07 tuyến đường thư cấp I, 11 tuyến cấp II, 78 tuyến cấp III. Tổng chiều dài khoảng gần 4.000 km.

Có 100/115 (tỷ lệ 86,9%) xã có điểm bưu điện văn hóa xã (01 xã có bưu cục cấp II), trong đó: 58/115 (tỷ lệ 50%) điểm bưu điện văn hoá đa dịch vụ, 79/115 (tỷ lệ 68%) điểm bưu điện văn hoá xã xây dựng kiên cố, 83/115 (tỷ lệ 72%) điểm kết nối internet công cộng, 80% xã có điểm phục vụ bưu chính đạt tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyển phát còn có đơn vị kinh doanh vận tải hành khách cũng tham gia lĩnh vực chuyển phát (xe ô tô chở khách, xe buýt, xe chạy tuyến cố định, taxi, kinh doanh vận tải theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng container), chủ yếu là hàng hóa, vật liệu chuyên dùng. Lượng hàng hóa qua mạng chuyển phát này ngày càng lớn và đa dạng, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ khách hàng không nhỏ trong mạng chuyển phát.

87% hộ gia đình, tổ chức được gắn mã địa chỉ bưu chính Vpostcode gắn với bản đồ số V-Map để cung cấp thông tin chính xác về mã bưu chính và vị trí các địa điểm trên địa bàn tỉnh.

2. Dịch vụ bưu chính

Các dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng được nhu cầu vận chuyển thư báo, công văn tài liệu của các cấp ủy Đảng, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn tỉnh, phạm vi phục vụ rộng khắp, có ý nghĩa phổ cập công ích lớn.

Ngoài các dịch vụ bưu chính truyền thống, còn cung cấp đa dạng các dịch vụ khác phục vụ nhu cầu của nhân dân, tham gia cung cấp các dịch vụ công của các cơ quan chính quyền các cấp như: dịch vụ trả lương hưu, bảo hiểm xã hội, hành chính công qua bưu điện, dịch vụ nhận tận nơi - phát tận tay phục vụ các khách hàng gửi chuyển phát nhanh,...

Sản lượng bưu gửi đạt tỷ lệ 2,4 bưu gửi/1 người dân. Doanh thu dịch vụ bưu chính đạt 532 tỷ đồng, trung bình 106,4 tỷ đồng/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 28,5%/năm.

Đến hết năm 2020, có 52/76 (tỷ lệ 68%) cơ quan thuộc đối tượng sử dụng dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1) để gửi, nhận các bưu gửi bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tài

liệu bí mật nhà nước theo quy định. Trong 3 năm thực hiện (2018-2020), tổng sản lượng KT1 đạt 143.739 cái, tổng khối lượng đạt 9.396.903 gram, tổng giá trị thực hiện đạt 3.333 triệu đồng.

Bưu chính tham gia cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ngày càng hiệu quả, tỷ lệ sử dụng ngày càng tăng. Đến nay, tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI đạt 31%; Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI đạt 20%; Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI đạt 19%.

Việc chuyển phát báo, tạp chí được Nhà nước đảm bảo phát hành qua mạng bưu chính công cộng cơ bản đảm bảo chất lượng. Đến nay, có 90/115 (tỷ lệ 78%) xã đạt chuẩn chuyển phát trong 24h theo quy định.

3. Nguồn nhân lực

Toàn tỉnh có khoảng 270 lao động trong lĩnh vực bưu chính, trong đó: Trình độ đại học và cao đẳng chiếm khoảng 15%, trình độ trung cấp chiếm khoảng 20%, trình độ công nhân và lao động phổ thông chiếm khoảng 65%. Nhìn chung số lượng lao động bưu chính trên đã đủ cơ cấu về mặt nhân sự và hoàn thành tốt các công việc của ngành.

4. Đánh giá chung

Mạng vận chuyển bưu chính trên địa bàn tỉnh tương đối hoàn thiện, rộng khắp, các dịch vụ bưu chính đã được phục vụ đến các xã, phường, thị trấn; đảm bảo phục vụ nhu cầu bưu chính của Đảng, Nhà nước và các tổ chức, cá nhân. Chỉ tiêu số dân phục vụ bình quân/điểm phục vụ đạt so với chỉ tiêu quốc gia.

Dịch vụ bưu chính cung cấp ngày càng đa dạng, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng lên. Bưu chính ngày càng tham gia tích cực, hiệu quả vào việc cung cấp, bảo đảm các dịch vụ công ích phục vụ các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp. Bước đầu tham gia thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại địa phương, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, hạ tầng mạng lưới bưu chính còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ở cấp xã. Nhiều điểm phục vụ cơ sở vật chất đã xuống cấp, hư hỏng; vị trí không thuận lợi cho giao dịch, giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn. Chỉ tiêu bán kính phục vụ bình quân/điểm phục vụ chưa đạt so với chỉ tiêu quốc gia (3km/điểm phục vụ).

Mạng vận chuyển bưu chính còn xảy ra tình trạng chậm trễ, thất lạc do chậm trong đóng chuyển thư, trì hoãn và chậm trong khâu chuyển phát, chưa hiện đại hóa trong quá trình cung ứng dịch vụ từ khâu nhận gửi, khai thác, vận chuyển, phát,… và nhiều yếu tố khách quan khác (con người, thời gian, địa lý, giao thông,…).

Nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bưu chính trong giai đoạn trước. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn tới khi bưu chính thực hiện chuyển đổi số, cung cấp các dịch vụ mới dựa trên

nền tảng số thì nguồn nhân lực bưu chính cần được tiếp tục tăng cường về số lượng và nâng cao chất lượng, nhất là các kỹ năng số.

Mặc dù các dịch vụ bưu chính cơ bản có tốc độ tăng trưởng trung bình cao nhưng tính bình quân trên đầu người còn rất thấp so với bình quân cả nước các dịch vụ chưa đa dạng, chất lượng dịch vụ chưa cao.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ bưu chính đến mọi người dân trên địa bàn tỉnh, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Thực hiện chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số để bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của thương mại điện tử, của nền kinh tế số, xã hội số để chia sẻ, hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo và tiên phong trong giải quyết các vấn đề xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về hạ tầng mạng lưới

- 100% điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và có kết nối internet băng rộng cố định.

- 100% các điểm Bưu điện - văn hóa xã là các điểm cung cấp đa dịch vụ về bưu chính.

- 100% xã có điểm Bưu điện - văn hóa xã là các điểm cung cấp đa dịc

- Bán kính phục vụ đạt 4,1 km/điểm phục vụ, số dân phục vụ bình quân dưới 3.500 người/điểm phục vụ. Khả năng tiếp cận phổ cập dịch vụ đạt trên 10 bưu gửi/người.

b) Chất lượng dịch vụ

- Bảo đảm thời gian chuyển phát báo, tạp chí (trong 24h) do Nhà nước hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn cho trên 95% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- 100% cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có địa chỉ số (được gán mã địa chỉ bưu chính Vpostcode gắn với bản đồ số Việt Nam -V-Map).

- 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước sử dụng mạng bưu chính dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (dịch vụ bưu chính KT1) để gửi, nhận các bưu gửi, tài liệu mang bí mật Nhà nước theo quy định. 100% bưu gửi KT1 được bảo đảm chất lượng, an toàn, an ninh theo quy định.

- Đẩy mạnh dịch vụ bưu chính công ích trong phát triển chính phủ số: Tỷ lệ TTHC triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI đạt trên 50%; Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI đạt trên 30%.

- Tốc độ tăng trưởng trung bình từ 25% - 30%/năm, đạt doanh thu trên 250 tỷ đồng vào năm 2025.

c) Nguồn nhân lực

- Tổng số lao động bưu chính đến năm 2025 khoảng 300-350 người.

- Năng suất lao động bình quân hàng năã íăng 10 - 15%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý

- Rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách về phát triển bưu chính để bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số; hỗ trợ các doanh nghiệp bưu chính phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp dịch vụ mới, giúp bưu chính phát huy hết nội lực, thu hút đầu tư nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực bưu chính.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện theo hướng "đồng hành" cùng doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển mạng lưới, cung cấp dịch vụ bưu chính phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, triển khai thử nghiệm áp dụng các sản phẩm, giải pháp, mô hình kinh doanh bưu chính số tích hợp đa dạng các dịch vụ.

- Ban hành các chính sách hch, triển khai thử nghiệm áp dụng các sản phẩm, giải pháp, mô hình kinh doanh Văn hóa xã đảm bảo tiêu chí nông thôn mới và phục vụ nhân dân (quy hoạch địa điểm xây dựng, lồng ghép ưu tiên đưa các chương trình, dự án hỗ trợ phù hợp triển khai tại các điểm Bưu điện - văn hóa xã,...).

- Xây dựng đề án triển khai thí điểm tiếp nhận, trả kết quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đủ điều kiện tại các điểm phục vụ bưu chính và mạng bưu chính công ích.

- Tiếp tục tăng cường và đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền để mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh hiểu, tin tưởng sử dụng các dịch vụ bưu chính công ích (dịch vụ KT1, dịch vụ bưu chính công ích).

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bưu chính, tình trạng vận chuyển hàng lậu, hàng cấm qua đường bưu chính, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, phá giá của các nền tảng thương mại điện tử.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu mở bưu chính phục vụ công tác quản lý nhà nước và chia sẻ thông tin cho các tổ chức, cá nhân xây dựng chiến lược phát triển bưu chính và các lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển mạng lưới bưu chính

- Tiếp tục duy trì mạng lưới bưu chính hiện có, từng bước nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác để tối ưu hóa quy trình quản lý, vận chuyển, cung cấp dịch vụ; cung cấp dịch vụ số (thương mại điện tử, đào tạo kỹ năng số, phổ cập dịch vụ số,...) giúp người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo.

- Đầu tư, phát triển mới 14 điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và kết nối internet băng rộng cố định tại các xã: Hua Thanh, Hẹ Muông, Na Tông (huyện Điện Biên); Pá Khoang (thành phố Điện Biên Phủ); Sa Lông, Huổi Mí (Mường Chà); Nậm Vì, Huổi Lếch (huyện Mường Nhé); Nậm Tin, Nậm Nhừ, Nậm Chua, Vàng Đán (huyện Nậm Pồ), Pú Xi, Mường Khong (huyện Tuần Giáo) để đảm bảo mục tiêu 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và có kết nối internet băng rộng cố định.

- Đầu tư phát triển mới, nâng cấp, kiên cố hóa các điểm bưu điện - văn hóa xã để đảm bảo 100% các điểm bưu điện - văn hóa xã là các điểm cung cấp đa dịch vụ về bưu chính, đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới: Phát triển mới 14 điểm; Đầu tư, xây dựng kiên cố hóa 05 điểm; nâng cấp đa dịch vụ 58 điểm.

- Đầu tư, xây dựng mới 01 Trung tâm khai thác bưu chính mới hiện đại tại thành phố Điện Biên Phủ đáp ứng yêu cầu chất lượng vận chuyển bưu chính trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì các tuyến đường thư cấp 2 với tần suất 1- 2 chuyến/ngày. Nâng cao chất lượng các tuyến đường thư cấp 3. Tăng phương tiện vận chuyển nhằm nâng cao tính chủ động, rút ngắn thời gian vận chuyển tới các huyện, các xã vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, kết hợp sử dụng phương tiện vận chuyển xe bưu chính với sử dụng các phương tiện vận chuyển xã hội (xe khách) để nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới, tiết kiệm chi phí đầu tư.

- Khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới bưu chính; tăng cường phối hợp, phát triển mạng vận chuyển bưu chính dùng chung giữa các doanh nghiệp bưu chính nhằm giảm chi phí vận chuyển, đảm bảo thời gian, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng và bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện bảo đảm điều kiện, chất lượng cung cấp dịch vụ bưu chính dành riêng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1); thực hiện chuyển phát báo, tạp chí do Nhà nước hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp (dịch vụ bưu chính công ích).

3. Cung cấp dịch vụ bưu chính

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính cơ bản. Nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính công ích. Phát triển dịch vụ bưu chính theo hướng đa dịch vụ, cung cấp tất cả các dịch vụ bưu chính đến các điểm phục vụ, chú trọng tới phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ tài chính và các dịch vụ ứng dụng trên nền tảng số.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian chuyển phát bưu gửi, đặc biệt là các dịch vụ bưu chính công ích, bảo đảm thời gian chuyển phát báo, tạp chí (trong 24h) do Nhà nước hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn cho trên 95% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (cao hơn quy chuẩn chất lượng quốc gia).

- Chú trọng vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ các bưu cục, điểm bưu điện - văn hóa xã. Các điểm phục vụ bưu chính trở thành điểm cung cấp, phổ cấp dịch vụ số cho người dân trên địa bàn.

- Tiếp tục duy trì, thực hiện nghiêm quy định của Nhà nước trong việc gửi, nhận các bưu gửi, tài liệu mang bí mật Nhà nước theo quy định. Đảm bảo mục tiêu 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ bưu chính KT1; 100% bưu gửi KT1 được bảo đảm chất lượng, an toàn, an ninh theo quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ đánh mã địa chỉ bưu chính Vpostcode gắn với bản đồ số Việt Nam V-Map để phát triển thương mại điện tử, phát triển bưu chính số, thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội của tỉnh. Năm 2021, hoàn thành mục tiêu 100% cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có địa chỉ số và được cập nhật thường xuyên.

- Tăng cường sự phối hợp, tham gia bưu chính trong phát triển chính phủ số, góp phần đẩy mạnh việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC của tỉnh.

- Cung cấp dịch vụ bưu chính sa bưu chíriển mô hình kinh tế chia sẻ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ giúp người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo, và giải quyết các vấn đề xã hội: Gian hàng điện tử trên sàn thương mại điện tử, đào tạo kỹ năng số cho người dân, tham gia phổ cập dịch vụ số, cung cấp dịch vụ logistic, truy xuất nguồn gốc, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, an toàn, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội,... trên nền tảng địa chỉ số quốc gia và bản đồ số quốc gia (mã bưu chính Vpostcode và bản đồ số V-Map).

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ công chức quản lý Nhà nước về bưu chính các cấp đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về bưu chính trong giai đoạn mới.

- Tuyển dụng, đào tạo và bố trí cán bộ nhân viên cho những điểm phục vụ bưu chính mới thành lập. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển trình độ, kỹ năng số cho lực lượng lao động hiện có đáp ứng yêu cầu mới của bưu chính trong thời kỳ chuyển đổi số. Phát triển lực lượng lao động trong lĩnh vực bưu chính đến năm 2025 quy mô khoảng 300 - 350. Trong đó, trình độ đại học và cao đẳng chiếm khoảng 30%, trình độ trung cấp chiếm khoảng 20%, trình độ công nhân và lao động phổ thông chiếm khoảng 50%.

- Đầu tư, áp dụng các công cụ lao động hiện đại, ứng dụng công nghệ số trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Phấn đấu năng suất lao động bình quân hàng năm trong lĩnh vực bưu chính tăng 10 - 15%. Thu nhập bình quân hàng năm của một lao động trong lĩnh vực bưu chính tăng 20 - 25%.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn ngân sách nhà nước được bố trí từ định mức chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ; Quỹ

dịch vụ viễn thông công ích; Nguồn vốn của các doanh nghiệp bưu chính; nguồn do các cá nhân, tổ chức chi trả và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ tổng hợp, báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; trường hợp cần thiết, báo cáo UBND tỉnh quyết định chỉnh sửa, bổ sung các nội dung liên quan thuộc Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bưu chính trên địa bàn. Kịp thời rà soát, bổ sung kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hành lang pháp lý, chính sách phát triển bưu chính, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính công ích trên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Tham mưu ban hành, triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển bưu chính trên địa bàn. Đẩy mạnh phổ cập dịch vụ bưu chính, đặc biệt là các dịch vụ bưu chính công ích.

- Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu mở bưu chính.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan vận động, đề xuất lồng ghép các nguồn hỗ trợ, các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phổ cập dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn khác, tham mưu trình UBND tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố

- Đẩy mạnh việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ bưu chính công ích; sử dụng Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1) để gửi, nhận các bưu gửi bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tài liệu bí mật nhà nước theo quy định

- Thường xuyên rà soát và cập nhật kịp thời, chính xác thông tin về các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích; danh mục thủ tục hành chính không thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích khi có thay đổi. Phối hợp hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực của cán bộ bưu chính thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đảm bảo đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp bưu chính phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ trên địa bàn phù hợp với quy hoạch của tỉnh

và quy định của pháp luật tại địa phương, đơn vị; ưu tiên các khu vực chưa được cung cấp dịch vụ bưu chính, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

5. Các doanh nghiệp bưu chính

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong việc phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng mạng bưu chính đảm bảo cung cấp dịch vụ rộng khắp; Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, xây dựng cơ sở dữ liệu mã địa chỉ bưu chính chi tiết tới từng địa chỉ hộ dân cư đảm bảo các mục tiêu Kế hoạch đề ra. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực bưu chính.

- Phát triển hạ tầng dịch vụ bưu chính đi đôi với việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin quốc gia.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới, đặc biệt là đội ngũ nhân viên thực hiện các nhiệm vụ bưu chính công ích.

- Giám đốc các doanh nghiệp bưu chính chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại đơn vị mình đảm bảo đạt được các mục tiêu Kế hoạch đề ra.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Sở Thông tin và Truyền thông ngày 15/12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch phát triển bưu chính giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện đảm bảo nội dung, yêu cầu. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Vụ Bưu chính, Bộ TT&TT;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp Bưu chính;
- Lưu: VT, KGVX$_{LVC}$.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Vừ A Bằng

PHỤ LỤC 01
HIỆN TRẠNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG BƯU CHÍNH

(Kèm theo Kế hoạch số 2877/KH-UBND ngày 29 /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Stt	Tên điểm bưu điện	Mã bưu cục	Hiện trạng hạ tầng bưu chính đến năm 2020			Phát triển hà tầng bưu chính đến năm 2025		
			Điểm bưu điện văn hoa xây dựng	Điểm Internet công cộng	Điểm Bưu điện văn hoá đa dịch vụ	Phát triển điểm bưu điện văn hoá xã	Điểm Bưu điện văn hoá đa dịch vụ	Xây dựng điểm bưu điện văn hoa
I	**Huyện Điện Biên**							
1	Thanh Xương	381410	Nhà cố định	X	X			
2	Mường Pồn	381530	Nhà cố định	X			X	
3	Thanh Nưa	381550	Nhà cố định	X	X			
4	Thanh Luông	381570	Nhà cố định	X	X			
5	Thanh Hưng	381600	Nhà cố định	X	X			
6	Thanh Chăn	381620	Nhà cố định	X	X			
7	Thanh Yên	381640	Nhà cố định	X	X			
8	Pa Thơm	381680	Nhà cố định	X			x	
9	Noong Luống	381690	Nhà cố định	X	X			
10	Pom Lót	381730	Nhà cố định	X	X			
11	Na Ư	381760	Nhà cố định	X			X	
12	Mường Nhà	381770	Nhà cố định	X	X			
13	Phu Luông	381800	Nhà cố định		X			
14	Núa Ngam	381810	Nhà cố định	X	X			
15	Mường Lói	384482	Nhà cố định		X			
16	Sam Mứn	384492	Nhà cố định		X			
17	Noong Hẹt	381831	Nhà cố định	X	X			
18	Thanh An	381860	Nhà cố định	X	X			
19	Hua Thanh					X	X	X
20	Hẹ Muông					X	X	X

21	Na Tông					X	X	
II	**Huyện Điện Biên Đông**							
1	Na Son	382010	Nhà cố định	X			X	
2	Xa Dung	382040	Nhà cố định	X				
3	Pú Nhi	382070	Nhà cố định	X	X			
4	Keo Lôm	382110	Nhà cố định	X	X			
5	Phì Nhừ	382140	Nhà cố định	X	X			
6	Phình Giàng	382170	Nhà cố định	X			X	
7	Háng Lìa	382210	Nhà cố định	X			X	
8	Mường Luân	382240	Nhà cố định	X	X			
9	Luân Giới	382270	Nhà cố định	X			X	
10	Chiềng Sơ	382300	Nhà cố định	X			X	
11	Noong U	382340	Nhà cố định	X			X	
12	Pú Hồng	382351	Nhà cố định	X	X			
13	Tìa Dình	382360	Nhà cố định	X				
III	**Thành phố Điện Biên**							
1	Thanh Minh	381150	Nhà cố định		X		X	
2	Nà Nhạn	381880	Nhà cố định		X			
3	Mường Phăng	381430	Nhà cố định	X	X			
4	Nà Tấu	381490	Nhà cố định	X	X			
5	Pá Khoang					X	X	X
IV	**Mường Ảng**							
1	Ẳng Nưa	382870	Nhà cố định	X	X			
2	Năm Lịch	385020	Nhà cố định	X			X	
3	Ẳng Cang	382820	Nhà cố định	X	X			
4	Mường Đăng	382790	Nhà cố định	X	X			
5	Ngối Cáy	385040	Điểm thuê				X	X
6	Xuân Lao	385060	Điểm thuê	X			X	X
7	Ẳng Tở	382890	Nhà cố định	X			X	

8	Búng Lao	382920	Nhà cố định	X	X			
9	Mường Lạn	382960	Nhà cố định	X			X	
V	**Mường Chà**							
1	Hừa Ngài	383320	Nhà cố định	X	X			
2	Xá Tổng	383340	Nhà cố định	X			X	
3	Nậm Nèn	383360	Nhà cố định	X	X			
4	Huổi Lèng	383460	Nhà cố định	X			X	
5	Mường Tùng	383480	Nhà cố định	X			X	
6	Mường Mươn	383500	Điểm thuê				X	
7	Ma Thì Hồ	383570	Điểm thuê	X	X			
8	Na Sang	383590	Nhà cố định	X	X			
9	Sa Lông	384650	Điểm thuê	X			X	
10	Huổi Mí					X	X	
11	Pa Ham					X	X	
VI	**Mường Nhé**							
1	Leng Su Sìn	384001	Điểm thuê	X			X	
2	Chung Chải	384030	Điểm thuê		X			
3	Sín Thầu	384040	Điểm thuê	X	X			
4	Mường Toong	384050	Nhà cố định	X	X			
5	Nậm Kè	384230	Điểm thuê	X	X			
6	Quảng Lâm	384250	Điểm thuê	X	X			
7	Pá Mỳ	384280	Điểm thuê	X			X	
8	Sen Thượng	384290	Điểm thuê					
9	Nậm Vì					X	X	
10	Huổi Lếch					X	X	
VII	**Thị xã Mường Lay**							
1	Lay Nưa	383940	Nhà cố định		X			
VIII	**Nậm Pồ**						X	
1	Nà Khoa	385315	Điểm thuê				X	

2	Chà Cang	385320	Nhà cố định	X	X			
3	Chà Nưa	385330	Nhà cố định	X	X			
4	Chà Tở	385340	Nhà cố định	X			X	
5	Nà Bủng	385350	Điểm thuê	X	X			
6	Na Cô Sa	385360	Điểm thuê				X	
7	Nà Hỳ	385370	Nhà cố định	X	X			
8	Nậm Khăn	385390	Điểm thuê				X	
9	Pa Tần	385420	Điểm thuê	X			X	
10	Phìn Hồ	385430	Điểm thuê	X	X			
11	Si Pa Phìn	385440	Nhà cố định	X	X			
12	Nậm Tin					X	X	
13	Nậm Nhừ					X	X	
14	Nậm Chua					X	X	
15	Vàng Đán					X	X	
IX	**Tủa Chùa**							
1	Sáng Nhè	383610	Nhà cố định	X			X	
2	Mường Đun	383630	Nhà cố định	X	X			
3	Tủa Thàng	383650	Nhà cố định	X			X	
4	Huổi Só	383670	Nhà cố định	X			X	
5	Sín Chải	383690	Nhà cố định	X	X			
6	Tả Sìn Thàng	383710	Nhà cố định	X	X			
7	Lao Xả Phình	383730	Nhà cố định	X			X	
8	Tả Phình	383740	Nhà cố định	X			X	
9	Trung Thu	383760	Nhà cố định	X			X	
10	Sính Phình	383780	Nhà cố định	X			X	
11	Mường Báng	383800	Nhà cố định		X			
X	**Tuần Giáo**							
1	Quài Cang	382530	Nhà cố định	X	X			
2	Quài Nưa	382570	Nhà cố định	X	X			

3	Pú Nhung	382600	Nhà cố định	X	X			
4	Ta Ma	382620	Nhà cố định	X			X	
5	Phình Sáng	382640	Nhà cố định	X			X	
6	Mùn Chung	382670	Nhà cố định	X	X			
7	Mường Mùn	382700	Nhà cố định	X	X			
8	Mường Thín	382740	Nhà cố định	X			X	
9	Nà Sáy	382760	Nhà cố định	X			X	
10	Nà Tòng	382792	Điểm thuê				X	
11	Rạng Đông	382832	Điểm thuê		X			
12	Chiềng Đông	382852	Điểm thuê		X			
13	Chiềng Sinh	383000	Nhà cố định	X	X			
14	Quài Tở	383030	Nhà cố định	X	X			
15	Tênh Phông	383070	Nhà cố định	X			X	
16	Tỏa Tình	383080	Nhà cố định	X	X			
17	Pú Xi					X	X	
18	Mường Khong					X	X	

PHỤ LỤC 02
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BƯU CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Kế hoạch số 2377/KH-UBND ngày 29/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Stt	Các chỉ tiêu bưu chính	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng số điểm phục vụ bưu chính	Điểm	167	170	172	175	178	181
1.1	*Số điểm Bưu điện VHX*	*Điểm*	*100*	*115*	*115*	*115*	*115*	*115*
1.2	*Số điểm phục vụ bưu chính khác*	*Điểm*	*67*	*65*	*57*	*60*	*63*	*66*
2	Tỷ lệ điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và có Intenet	%	86	100	100	100	100	100
3	Số dân phục vụ bình quân	Người/điểm	3.585	3.522	3.481	3.422	3.364	3308
4	Bán kính phục vụ bình quân	Km/điểm	4.26	4,23	4,20	4,17	4,13	4,1
5	Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính	Tỷ đồng	139	157	175	203	231	249
6	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	%	31	35	38	42	46	50
6.1	*Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI*	%	*20*	*22*	*24*	*26*	*28*	*30*
6.2	*Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI*	%	*19*	*21*	*24*	*26*	*28*	*30*
7	Cơ quan Đảng, Nhà sử dụng dịch vụ bưu chính KT1	%	72	80	90	100	100	100
8	100% bưu gửi KT1 được bảo đảm bí mật, an toàn, an ninh	%	100	100	100	100	100	100
9	Điểm bưu điện văn hóa xã là các điểm đa dịch vụ	%	50	60	70	80	90	100
10	Xã có điểm phục vụ bưu chính đạt tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới	%	86	100	100	100	100	100
11	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh có thư, báo đến trong ngày	%	78	82	86	90	95	95
12	Xây dựng mã địa chỉ bưu chính đến hộ gia đình	%	87	93	100	100	100	100
13	Khả năng tiếp cận phổ cập dịch vụ	Bưu gửi/người	2,4	4	6	8	10	12